TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **114**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Tuân
2. Bà Phan Thị Thúy Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1089/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy A – sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Nhà số 833/17 đường C, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn N – sinh năm 1980

Địa chỉ: Nhà số 373/224/12 đường Q, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Văn N vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thúy A trình bày: Bà và ông Phạm Văn N tự nguyện kết

hôn với nhau năm 2007 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 183/P08; Quyển số: 01/2007 do Uỷ ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2007). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của mẹ bà ở quận P, quá trình chung sống đến tháng 10/2013 giữa bà và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống nên ông N đã bỏ nhà đi nhiều lần. Đến tháng 12/2015 do không thể cùng chung sống với nhau, không thể hàn gắn được nên ông N đã về nhà cha mẹ của ông N sống, từ đó vợ chồng đã ly thân. Do mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, không cùng chăm sóc nuôi dạy con nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung : Có 01 con chung tên Phạm Minh L – sinh ngày 11/4/2012. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông N để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N đều vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, ông N vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Thúy A trình bày: Tháng 7/2017 bà đã nộp đơn ly hôn ông N tại Tòa án, với mong muốn cho ông N cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nên bà đã rút đơn, nhưng sau đó ông N vẫn không thay đổi nên bà làm đơn ly hôn lại, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N. Cháu L từ nhỏ đến nay đều do một tay bà chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện tại cháu L cũng đang ở với bà nên bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông N không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Huỳnh Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N có nơi cư trú tại số: 373/224/12 đường Q, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20/10/2017 bà A có Đơn xin xác nhận gửi Công an Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 23/10/2017 Công an Phường M xác nhận: ‘‘Đương sự Phạm Văn N – sinh năm 1980 có đăng ký thường trú và cư ngụ tại địa chỉ: 373/224/12 đường Q, Phường M, quận B’’.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà A thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Thúy A có mặt. Bị đơn ông Phạm Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt (Biên bản tống đạt Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 03/01/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 12/01/2018 và biên bản tống đạt Giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 17/01/2018 để tham gia phiên tòa lần thứ hai vào ngày 31/01/2018) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 183/P08; Quyển số: 01/2007 do Uỷ ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông N là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà A yêu cầu được ly hôn với ông N vì quá trình chung sống không hạnh phúc, từ cuối năm 2015 đến nay vợ chồng đã ly thân, trước lần làm đơn ly hôn này bà A đã nộp đơn ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông N không cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết yêu cầu của bà A chứng tỏ ông Nghĩa không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A để các bên cùng ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung:

Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 152/2012; Quyển số 1/2012 do Ủy ban nhân dân phường phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2012 thì cháu Phạm Minh L – sinh ngày 11/4/2012 là con chung của ông Phạm Văn N và bà Huỳnh Thị Thúy A.

Bà A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu L còn nhỏ và hiện đang ở với bà A nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho bà A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên để ổn định sinh hoạt, học hành của cháu L.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con:

Bà A không yêu cầu ông Nghĩa cấp dưỡng nuôi cháu L do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L đối với ông N do bà A không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này ông N có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Huỳnh Thị Thúy A.

a. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thúy A được ly hôn ông Phạm Văn N.

b. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Minh L – sinh ngày 11/4/2012 cho bà Huỳnh Thị Thúy A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Minh L đối với ông Phạm Văn N do bà Huỳnh Thị Thúy A không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thúy A trình bày không có, nếu sau này ông Phạm Văn N có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do Huỳnh Thị Thúy A chịu, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Thúy A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007120 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thúy A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
-Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Hương